

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 9 năm 2021

“V/v không công nhận

vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Đôn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Sơn
2. Ông Nguyễn Văn Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 về việc “*Yêu cầu không công nhận vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2021/QĐST-DS ngày 20/9/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970.

Trú tại: Thôn 2, xã BH, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Võ T, sinh năm 1964

Trú tại: Thôn 2, xã BH, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn T1. Trú tại: Đội 2, thôn 2, xã BH, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

2/ Bà Lê Thị H1. Trú tại: Đội 2, thôn 2, xã BH, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

3/ Bà Võ Thị Y. Trú tại: Số 35 LHP, tổ dân phố 2, thị trấn BT, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

4/ Bà Nguyễn Thị H2. Trú tại: Đội 2, thôn 2, xã BH, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H chung sống với ông Võ T do tự nguyện từ năm 1990 tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi chung sống hạnh phúc với nhau thì đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống của vợ chồng không còn hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã và bất đồng quan điểm, không còn hòa hợp trong cuộc sống, ông T có hành vi đánh đập bà H. Nay bà H xác định tình cảm không còn, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng không thể chung sống với nhau được nữa, đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận bà H và ông T là vợ chồng.

Về con chung: Bà H và ông T có 04 con chung là chị Võ Thị L, sinh ngày 24/6/1989; chị Võ Thị P, sinh ngày 28/8/1992; anh Võ Duy H2, sinh ngày 21/5/1995 và chị Võ Thị Mỹ Y1, sinh ngày 03/11/1997. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Quá trình làm việc với tòa án bà H đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung và công nợ.

Đối với bị đơn ông Võ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng ông T cố tình trốn tránh, không hợp tác làm việc nên không lấy lời khai được.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và làm việc theo quy định của pháp luật nhưng không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tham gia tố tụng của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại các Điều 35; 39; 48; 51; 68; 96; 97; 98; 195; 196; 203; 220; 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ **khoản 1 Điều 9, điều 14, điều 53** Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Không công nhận vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Võ T.

+ Về con chung: Hiện nay các con chung của bà H và ông T đã đủ 18 tuổi nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc: Yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung. Bà Nguyễn Thị H được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa bà H với ông Võ T. Bị đơn ông Võ T hiện đang trú tại: Thôn 2, xã BH, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn ông Võ T vắng mặt (không có lý do) nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị H chung sống với ông Võ T do tự nguyện từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống với nhau, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn không hòa giải được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, xảy ra cãi vã và bất đồng quan điểm, không còn hòa hợp trong cuộc sống. Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc bà H và ông T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật đó là vi phạm điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Kết quả xác minh mâu thuẫn tại địa phương xác định: Bà Nguyễn Thị H và ông Võ T chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 2, xã BH, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống giữa ông T và bà H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T thường xuyên uống rượu, say xỉn, không lo làm ăn. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm nay. Việc bà H khởi kiện đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa bà H và ông T là phù hợp với quy định tại Điều 9, **Điều 14** Luật Hôn nhân và gia đình, điểm c, khoản 3, Nghị quyết số 35/2000/QH 13 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, cần tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Võ T là phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị H và ông Võ T có 04 con chung là chị Võ Thị L, sinh ngày 24/6/1989; chị Võ Thị P, sinh ngày 28/8/1992; anh Võ Duy H2, sinh ngày 21/5/1995 và chị Võ Thị Mỹ Y1, sinh ngày 03/11/1997. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của mình đối với yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Bà Nguyễn Thị H được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, điều 14, điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 35/2000/QH 13 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 217, Điều 218, Điều 219; khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Võ T.

2. *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị H và ông Võ T có 04 con chung là chị Võ Thị L, sinh ngày 24/6/1989; chị Võ Thị P, sinh ngày 28/8/1992; anh Võ Duy H2, sinh ngày 21/5/1995 và chị Võ Thị Mỹ Y1, sinh ngày 03/11/1997. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi nên không giải quyết.

3. *Về tài sản chung và công nợ chung*: Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung. Bà Nguyễn Thị H được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 3.550.000đ (*Ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) mà bà H đã nộp tại biên lai số 0006885 ngày 10/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Hoàn trả cho bà H số tiền 3.250.000đ (*Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS K;
- Các đương sự;
- UBND xã BH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Đôn